

Số:139/KH-THTN

Thọ Nghiệp, ngày 16 tháng 9 năm 2024

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC

Năm học 2024 - 2025

I. NHỮNG CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Văn bản chỉ đạo:

Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học;

Quyết định số 1708/QĐ-UBND ngày 12/8/2024 của UBND tỉnh Nam Định về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2024 - 2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tỉnh Nam Định;

Công văn số 929/SGDĐT-GDTH ngày 31/5/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định về việc hướng dẫn thực hiện các môn học, hoạt động giáo dục và sử dụng sách giáo khoa, tài liệu năm học 2024 – 2025;

Công văn số 423/GDĐT-TH ngày 29/8/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Xuân Trường về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2024-2025;

Kế hoạch năm học 2024 - 2025 của trường Tiểu học Thọ Nghiệp.

2. Kết quả năm học 2023-2024:

2.1. Những kết quả đạt được:

Kết quả chất lượng giáo dục trong năm học 2023- 2024:

- Đánh giá học sinh theo Thông tư 27

	Số HS có KQĐG	Tổng số HS có KQĐG	Lớp 1			Lớp 2			Lớp 3			Lớp 4		
			Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số		Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số		Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số		Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số	
				Nữ	KT		Nữ	KT		Nữ	KT		Nữ	KT
I. Kết quả học tập														
1. Tiếng Việt	958	958	260	118	3	244	118	3	239	117	2	215	104	3
Hoàn thành tốt		779	223	113		210	106		182	98		164	90	
Hoàn thành		174	35	5	1	33	12	2	57	19	2	49	14	2
Chưa hoàn thành		5	2		2	1		1				2		1
2. Toán	958	958	260	118	3	244	118		239	117	2	215	104	3
Hoàn thành tốt		790	245	113		217	105		173	105		155	85	

8. Giáo dục thể chất	958	958	260	118		244	118	3	239	117	2	215	104	3
Hoàn thành tốt		892	244	112	1	234	115		218	115		196	90	
Hoàn thành		66	16	6	2	10	3	3	21	2	2	19	14	3
Chưa hoàn thành														
9. TH-CN (Công nghệ)	454	454							239	117	2	215	104	3
Hoàn thành tốt		410							209	105		201	100	
Hoàn thành		44							30	12	2	14	4	3
Chưa hoàn thành														
10. TH-CN (Tin học)	454	454							239	117	2	215	104	3
Hoàn thành tốt		376							199	101		177	99	
Hoàn thành		78							40	16	2	38	15	3
Chưa hoàn thành														
11. Ngoại ngữ	958	958	260	118	3	244	118	3	239	117	2	215	104	3
Hoàn thành tốt		823	251	113	1	208	101		187	109		177	100	
Hoàn thành		134	8	5	2	36	17	3	52	18	2	38	4	3
Chưa hoàn thành														
II. Năng lực cốt lõi														
Năng lực chung	958	958	260	118	3	244	118	3	239	117	2	215	104	3
Tự chủ và tự học	958	958	260	118		244	118	3	239	117		215	104	3
Tốt		879	243	105	1	235	118		212	105		189	100	
Đạt		76	15	13		8		2	27	12	2	26	4	3
Cần cố gắng		3	2		2	1		1						
Giao tiếp và hợp tác	958	958	260	118	3	244	118		239	117	2	215	104	3
Tốt		883	244	105	1	235	118		216	107		188	101	
Đạt		72	14	13		8		2	23	10	2	27	3	3
Cần cố gắng		3	2		2	1		1						
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	958	958	260	118	3	244	118		239	117	2	215	104	3
Tốt		863	233	100	1	235	118		209	105		186	96	
Đạt		92	25	18		8		2	30	12	2	29	8	3
Cần cố gắng		3	2		2	1		1						
Năng lực đặc thù	958	958	260	118	3	244	118	3	239	117	2	215	104	3

Ngôn ngữ		958	260	118	3	244	118	3	239	117	2	215	104	3
Tốt		863	234	113	1	236	118		215	109		178	100	
Đạt		91	24	5		7		2	24	8	2	36	4	2
Cần cố gắng		4	2		2	1		1				1		1
Tính toán	958	958	260	118	3	244	118		239	117	2	215	104	3
Tốt		863	247	114	1	234	117		209	105		173		
Đạt		91	11	4		9	1	2	30	12	2	41		2
Cần cố gắng		4	2		2	1		1				1		1
Tin học	454	454							239	117	2	215	104	3
Tốt		400							215	107		185	99	
Đạt		54							24	10	2	30	5	3
Công nghệ	454	454							239	117	2	215	104	3
Tốt		411							215	105		196	101	
Đạt		43							24	12	2	19	3	3
Khoa học	958	958	260	118	3	244	118	3	239	117	2	215	104	3
Tốt		874	240	112	1	235	118		216	110		183	98	
Đạt		80	18	6		8		2	23	7	2	31	6	2
Cần cố gắng		4	2		2	1		1				1		1
Thảm mĩ	958	958	260	118	3	244	118	3	239	117	2	215	104	3
Tốt		863	232	105	1	230	117		216	110		185	98	
Đạt		93	27	13	1	13	1	2	23	7	2	30	6	3
Cần cố gắng		2	1		1	1		1						
Thể chất	958	958	260	118	3	244	118	3	239	117	2	215	104	3
Tốt		888	241	110	1	236	118		217	111		194	95	
Đạt		68	18	8	1	7		2	22	6	2	21	9	3
Cần cố gắng		2	1		1	1		1						
III. Phẩm chất chủ yếu														
Yêu nước	958	958	260	118	3	244	118	3	239	117	2	215	104	3
Tốt		927	260	118	3	239	118		220	111		211	104	
Đạt		28				5		3	19	6	2	4		3
Cần cố gắng														
Nhân ái	958	958	260	118	3	244	118	3	239	117	2	215	104	3
Tốt		927	260	118	3	239	118		220	111		208	104	
Đạt		31				5		3	19	6	2	7		3
Cần cố gắng														
Chăm chỉ	958	958	260	118	3	244	118	3	239	117	2	215	104	3
Tốt		892	247	113	2	237	118		215	109		193	104	
Đạt		55	12	5		7		3	24	8	2	22		3
Cần cố gắng		1	1		1									
Trung thực	958	958	260	118	3	244	118	3	239	117	2	215	104	3
Tốt		898	253	115	2	237	118		220	105		198	104	
Đạt		49	6	3		7		3	19	12	2	17		3
Cần cố gắng		1	1		1									
Trách nhiệm	958	958	260	118	3	244	118	3	239	117	2	215	104	3

Tốt		897	251	113	2	237	118		213	105		196	104	
Đạt		60	8	5		7		3	26	12	2	19		3
Cần cố gắng		1	1		1									
IV. Đánh giá KQGD	958	958	260	118	3	244	118	3	239	117	2	215	104	3
- Hoàn thành xuất		479	180	78	1	157	77		84	57		58	41	
- Hoàn thành tốt		170	8	5		14	4		64	23	2	84	38	
- Hoàn thành		303	69	25	1	72	27	2	91	37		71	25	1
- Chưa hoàn thành		6	3	0	2	1		1				2		2

- *Đánh giá học sinh theo Thông tư 22*

	Số	Lớp 5		
		Tổng số HS có KQGD	Trong tổng số	
			Nữ	Khuyết tật
1. Kết quả học tập				
1. Tiếng Việt	203	203	108	4
Hoàn thành tốt		139	60	
Hoàn thành		64	48	4
Chưa hoàn thành				
2. Toán	203	203	108	4
Hoàn thành tốt		140	65	
Hoàn thành		63	43	4
3. Đạo đức	203	203	108	4
Hoàn thành tốt		190	99	
Hoàn thành		13	9	4
Chưa hoàn thành				
4. Khoa học	203	203	108	4
Hoàn thành tốt		184	101	
Hoàn thành		19	7	4
5. LS & DL	203	203	108	4
Hoàn thành tốt		166	89	
Hoàn thành		37	29	4
6. Âm nhạc	203	203	108	4
Hoàn thành tốt		173	80	
Hoàn thành		30	28	4
Chưa hoàn thành				
7. Mỹ thuật	203	203	108	4
Hoàn thành tốt		173	79	
Hoàn thành		30	29	4
8. Thủ công, Kỹ thuật	203	203	108	4
Hoàn thành tốt		193	101	

Hoàn thành		10	7	4
9. Thể dục	203	203	108	4
Hoàn thành tốt		190	101	
Hoàn thành		13	7	4
10. Ngoại ngữ	203	203	108	4
Hoàn thành tốt		168	88	
Hoàn thành		35	20	4
11. Tin học	203	203	108	4
Hoàn thành tốt		158	90	
Hoàn thành		45	18	4
II. Năng lực				
Tự phục vụ tự quản	203	203	108	4
Tốt		184	101	
Đạt		19	7	4
Hợp tác	203	203	108	4
Tốt		184	101	
Đạt		19	7	4
Tự học và giải quyết vấn đề	203	203	108	4
Tốt		171	90	
Đạt		32	18	4
III. Phẩm chất				
Chăm học chăm làm	203	203	108	4
Tốt		203	108	4
Đạt				
Tự tin trách nhiệm	203	203	108	4
Tốt		203	108	4
Đạt				
Trung thực kỷ luật	203	203	108	4
Tốt		203	108	4
Đạt				
Đoàn kết yêu thương	203	203	108	4
Tốt		203	108	4
Đạt				

Kết quả đánh giá học sinh cuối năm học:

***Học sinh:**

- Chất lượng đại trà đảm bảo yêu cầu, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học 1151/1161 học sinh đạt 99,13% HS lớp 1,2,3,4,5 hoàn thành chương trình lớp học và được lên lớp.

203/203 đạt 100% HS lớp 5 hoàn thành Chương trình Tiểu học.

Khen thưởng: 796/1161 em đạt tỉ lệ 68,56% (Trong đó có 552 HS hoàn thành xuất sắc; 244HS Tiêu biểu, HS vượt trội các môn học)

Kết quả các cuộc thi và giao lưu trong năm học:

- Kết quả tham gia các cuộc thi, giao lưu cấp huyện: Trường đã có 207 lượt HS và tập thể đạt giải cấp huyện (24 giải Nhất ; 76 giải Nhì; 50 giải Ba ; 57 giải Khuyến khích).

+ **Thi Hùng biện Tiếng Anh cấp huyện** có 03 HS đạt giải (01 giải Ba, 02 giải KK);

+ **Thi Trạng nguyên TV cấp huyện** có 150 giải (24 giải Nhất, 76 giải Nhì, 50 giải Ba và 57 giải KK).

+ **Thi chữ đẹp cấp huyện:** được tất cả các giáo viên quan tâm. có 46 giải chữ viết (03 giải Nhất; 19 giải Nhì, 15 giải Ba, 09 giải KK);

+ **Thi Phát triển năng lực:** phân thi UDTN 4 giải (Giải Nhì: 01, giải Ba: 01; Giải KK: 02); Thi STEM đạt giải Ba; thi tài năng giải Nhì.

+ **Thi TDTT cấp huyện:** có 2 HS đạt giải (Giải Nhì: 01; Giải KK: 01)

+ **Giải Toán trên tạp chí Toán tuổi thơ:** Trong năm học, đã có nhiều tập thể lớp và cá nhân HS tham dự và được đăng bài trên Toán tuổi thơ

- Kết quả các cuộc thi cấp tỉnh: Có 78 HS đạt giải trong các cuộc thi cấp tỉnh. Cụ thể thi chữ đẹp cấp tỉnh có 2 HS đạt giải (01 giải Nhất và 01 giải Ba); Có 76 HS đạt giải thi Trạng nguyên TV cấp Tỉnh (có 8 giải Nhất, 29 giải Nhì, 18 giải Ba, 21 giải KK).

- Tổ chức cho học sinh từ lớp 1->5 tham gia vẽ tranh “Ý tưởng trẻ thơ” và cuộc thi Vẽ tranh quốc tế Toyota “Chiếc ô tô mơ ước” .

- Học sinh đã tích cực tham gia giải toán trên tạp chí Toán Tuổi thơ. Trong năm học đã 8 tập thể các lớp được tạp chí khen ngợi và tặng quà.

* Giáo viên:

Trong năm học giáo viên tích cực tham gia cuộc thi Thiết bị dạy học số do sở GDĐT phát động. Kết quả có 8 Thiết bị dạy học số cấp tỉnh được đánh giá đạt trong đó có 01 giải Ba và 02 giải Khuyến khích.

II. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM HỌC 2024-2025

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương

Thọ Nghiệp là một xã nằm ở phía Đông của huyện Xuân Trường, phía Đông giáp xã Xuân Phú, phía Nam giáp xã Giao Tiến, Giao Thủy, phía Tây giáp xã Xuân Trung, Xuân Phương và phía Bắc giáp xã Xuân Đài, Xuân Phong. Diện tích tự nhiên theo địa giới hành chính của xã là: 7.08km² với 15008 nhân khẩu nằm ở 13 xóm đội. Hệ thống đường giao thông được mở rộng rất thuận lợi cho việc đi lại, lưu thông hàng hóa, thu nhập của người dân tương đối ổn định.

Thọ Nghiệp là một xã có bề dày truyền thống cách mạng. Đảng bộ nhiều năm liền đạt trong sạch vững mạnh. Đảng bộ và nhân dân Thọ Nghiệp trong những năm gần đây luôn tích cực phấn đấu, đổi mới công tác công tác lãnh đạo, chỉ đạo, nhân dân phát huy truyền thống anh hùng, đoàn kết. Xã Thọ Nghiệp được công nhận đạt chuẩn các tiêu chí về nông thôn mới năm 2016 và đạt chuẩn

nông thôn mới nâng cao năm 2021.

Thọ Nghiệp cũng là địa phương có truyền thống hiếu học, Đảng bộ và chính quyền địa phương đã dành rất nhiều sự quan tâm ưu ái cho ngành Giáo dục, động viên thầy và trò các nhà trường dạy tốt, học tốt. Đảng bộ và chính quyền địa phương đã và đang tập trung xây dựng cơ sở vật chất cho các nhà trường.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2024-2025

2.1. Đặc điểm học sinh của trường

Năm học 2024- 2025 nhà trường có 36 lớp với 1197 học sinh, trong đó có 14 học sinh KT. 100% HS các lớp được học 2 buổi/ngày.

Số lượng học sinh:

KHỐI	Số lớp	Số HS	Nữ	Diện PC	Khuyết tật	Số HS học 2 buổi/ngày	Tỉ lệ HS/lớp	Diện chính sách
Một	7	244	119	244	0	244	35	
Hai	8	257	118	252	5	257	32	
Ba	7	241	118	238	3	241	34	
Bốn	7	242	117	240	2	242	35	
Năm	7	213	104	209	4	213	30	
Cộng	36	1197	576	1183	14	1197	33	

2.2. Tình hình đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Năm học 2024- 2025 (thời điểm tháng 9/2024) trường có 62 cán bộ, giáo viên, nhân viên (CBGVNV biên chế: 56, hợp đồng: 6). Trong đó:

- CBQL: 4
- Giáo viên dạy văn hoá: 39 (36 biên chế và 3 hợp đồng)
- Giáo viên dạy môn chuyên: 15 (14 biên chế, 1 hợp đồng)
- Nhân viên: 4 (2 biên chế và 2 hợp đồng 111)
- Trình độ:

Thành phần	Tổng số	Nữ	Biên chế	Hợp đồng	Đảng viên	Đoàn viên	Trình độ đào tạo			
							ĐH	CD	TC	
I	CBQL	4	2	4		4				
	Hiệu trưởng	1	1	1		1				
	Phó HT	3	1	3		3				
II	Giáo viên	54	48	50	4	41	12	51	3	0
	Giáo viên văn hóa	39	37	36	3	29	10	36	3	

Thành phần	Tổng số	Nữ	Biên chế	Hợp đồng	Đảng viên	Đoàn viên	Trình độ đào tạo		
							ĐH	CĐ	TC
Giáo viên Âm nhạc	3	2	3	0	3	0	3		
Giáo viên Mỹ thuật	2	1	2	0	2	0	2		
Giáo viên Thể dục	3	2	3	0	3	0	3		
Giáo viên T. Anh	5	5	4	1	2	2	5		
Giáo viên Tin học	2	1	2	0	2	0	2		
III Nhân viên	4	4	2	2	3	0	2	1	1
Kế toán	1	1	1	0	0	0	1		
Y tế	1	1	1	0	1	0		1	
Hành chính	2	2	0	2	2	0	1		1
Tổng	62	52	56	6	48	12	53	4	1

- Biên chế tổ chuyên môn: Gồm 7 tổ chuyên môn như sau:

Tổ	Số lượng thành viên	TTCM	Phụ trách tổ CM
1	8	Phạm Thị Thảo	Trần Minh Tú
2	10 (2 HĐ)	Lê Thị Ngoan	Nguyễn Thị Huyền
3	7	Đinh Thị Nhàn	Nguyễn Thị Huyền
4	7 (1 HĐ)	Nguyễn Thị Nhâm	Phạm Văn Thanh
5	7	Lê Thị Huế	Phạm Thị Thu Yên
6	5 (1 HĐ)	Lại Thị Huyền	Phạm Văn Thanh
7	10	Nguyễn Đức Cường	Phạm Văn Thanh

2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; điểm trường:

Trường Tiểu học Thọ Nghiệp thuộc xã Thọ Nghiệp, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định được thành lập từ việc thực hiện sáp nhập 2 trường Tiểu học A, B của xã Thọ Nghiệp ngày 01/7/2019 do vậy nhà trường có 2 điểm trường.

Trường có khuôn viên riêng biệt với diện tích là 14047m², bình quân 11,73m²/HS; có sân chơi, bãi tập đảm bảo an toàn. Năm học 2024- 2025 trường có 36 lớp, đảm bảo 1 lớp/ 1 phòng học. Lớp học được trang trí theo đúng quy định, được trang bị đầy đủ ti vi kết nối Internet thuận tiện cho giáo viên trong việc khai thác nguồn học liệu phục vụ cho việc dạy và học.

Cụ thể số lớp, số học sinh, số phòng học, phòng chức năng tại các điểm trường như sau:

<i>Điểm trường</i>	<i>Số phòng học</i>	<i>Số phòng chức năng</i>	<i>Số lớp</i>	<i>Số học sinh</i>
Khu A	15	13	15	476
Khu B	21	13	21	721
Tổng số	36	26	36	1197

Tuy nhiên nhà trường còn thiếu phòng chức năng; chưa có nhà đa năng; một số phòng học đã xuống cấp. Trang thiết bị các phòng chức năng xuống cấp, đặc biệt là phòng dạy Tin học.

III. MỤC TIÊU GIÁO DỤC

1. Mục tiêu chung

1.1. Triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình GDPT 2018, nâng cao chất lượng giáo dục STEM; tổ chức tốt các hoạt động ngoại khóa, giáo dục kỹ năng sống; chú trọng công tác phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu cho học sinh.

1.2. Tích cực thực hiện ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong giáo dục, bồi dưỡng năng lực cho giáo viên.

1.3. Tích hợp, lồng ghép nội dung giáo dục vào các môn học và hoạt động giáo dục đảm bảo tính hợp lí, hiệu quả, không gây áp lực học tập đối với học sinh và giáo viên.

1.4. Tổ chức tốt, tích cực các sân chơi và hội thi cho học sinh.

1.5. Chú trọng kiểm tra, hỗ trợ giáo viên thực hiện các hình thức kiểm tra đánh giá học sinh. Tập trung nâng cao chất lượng khảo sát.

2. Chỉ tiêu cụ thể

Đầu năm học, các tổ chuyên môn căn cứ kết quả năm học 2023 - 2024 đăng kí chỉ tiêu ở các nội dung như sau:

2.1. Chỉ tiêu các môn học và hoạt động giáo dục cuối năm

Khối 1 Sĩ số: 244

1. Chỉ tiêu về kết quả các môn học và hoạt động giáo dục

Môn học	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
Tiếng Việt	224	91,80%	20	8,20%		
Toán	223	91,39%	21	8,61%		
Tiếng Anh	187	76,64%	57	23,36%		
THXH	214	87,70%	30	12,30%		
Đạo đức	244	100%	0	0		
GDTC	212	86,88%	32	13,12%		
Âm nhạc	210	86,06%	34	13,94%		
Mĩ thuật	203	83,19%	41	16,81%		
HĐTN	213	87,29%	31	12,71%		

2. Chỉ tiêu về phẩm chất

Phẩm chất	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
Yêu nước	244	100%				
Nhân ái	244	100%				
Chăm chỉ	223	91,39%	21	8,61%		
Trung thực	222	90,98%	22	9,02%		
Trách nhiệm	226	92,62%	18	7,38%		

3. Chỉ tiêu về năng lực

3.1. Những năng lực chung

Năng lực	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
Tự chủ và tự học	223	91,39%	21	8,61%		
Giao tiếp và hợp tác	225	92,21%	19	7,79%		
GQVĐ và sáng tạo	212	86,88%	32	13,12%		

3.2. Những năng lực đặc thù

Năng lực	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
Ngôn ngữ	224	91,80%	20	8,20%		
Tính toán	223	91,39%	21	8,61%		
Khoa học	214	87,70%	30	12,30%		
Thẩm mỹ	205	84,01%	39	15,99%		
Thể chất	212	86,88%	32	13,12%		

4. Chỉ tiêu về hoàn thành chương trình lớp học:

Xếp loại	Số lượng	Tỉ lệ	Xếp loại	Số lượng	Tỉ lệ
- Số HS hoàn thành XS	138	56,55%	-Số HS hoàn thành:	60	24,60%
- Số HS hoàn thành tốt:	46	18,85%	-Số HS chưa hoàn thành:	0	0
5. Số HS được lên lớp:	244	100%	-Số HS rèn luyện trong hè:	0	0

Khôi 2 Sĩ số 257**1. Chỉ tiêu về kết quả các môn học và hoạt động giáo dục**

Môn học	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
Tiếng Việt	236	91,82%	21	8,18%		
oán	234	91,05%	23	8,95%		
Tiếng Anh	200	77,82%	57	22,18%		
THXH	239	92,99%	18	7,01%		
Đạo đức	257	100%	0	0		
GĐTC	252	98,05%	5	1,95%		
Âm nhạc	240	93,38%	17	6,62%		
Mĩ thuật	239	92,99%	18	7,01%		
HĐTN	237	92,57%	20	7,43%		

2. Chỉ tiêu về phẩm chất

Phẩm chất	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
Yêu nước	257	100%	0			
Nhân ái	257	100%	0			
Chăm chỉ	257	100%	0			
Trung thực	257	100%	0			
Trách nhiệm	257	100%	0			

3. Chỉ tiêu về năng lực**3.1. Những năng lực chung**

Năng lực	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
Tự chủ và tự học	244	94,94%	13	5,06%		
Giao tiếp và hợp tác	242	94,16%	15	5,84%		
GQVĐ và sáng tạo	244	94,94%	13	5,06%		

3.2. Những năng lực đặc thù

Năng lực	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
Ngôn ngữ	236	91,82%	21	8,18%	0	0,00%
Tính toán	234	91,05%	23	8,95%	0	
Khoa học	239	92,99%	18	7,01%	0	

Thẩm mỹ	239	92,99%	18	7,01%	0	
Thể chất	252	98,05%	5	1,95%	0	

4. Chỉ tiêu về hoàn thành chương trình lớp học:

Xếp loại	Số lượng	Tỉ lệ	Xếp loại	Số lượng	Tỉ lệ
- Số HS hoàn thành XS	136	52,91%	-Số HS hoàn thành:	76	29,59%
- Số HS hoàn thành tốt:	45	17,50%	-Số HS chưa hoàn thành:	0	
5. Số HS được lên lớp:	257	100%	-Số HS rèn luyện trong hè:	0	

Khối 3 Sĩ số: 241

Môn học	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
Tiếng Việt	192	80%	49	20		
Toán	191	79,25%	50	20,75 %		
Tiếng Anh	184	76,35%	57	23,65%		
Tin học	212	87,97%	29	12,03%		
Công nghệ	212	87,97%	29	12,03%		
TN&XH	204	84,65%	37	15,35%		
Đạo đức	236	97,93%	28	2,07%		
GDTC	212	87,97%	29	12,03%		
Âm nhạc	180	74,69%	61	25,31%		
Mĩ thuật	200	82,99%	41	17,01%		
HĐTN	204	84,65%	37	15,35%		

2. Chỉ tiêu về phẩm chất

Phẩm chất	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
Yêu nước	237	98,34%	4	1,66%		
Nhân ái	219	90,87%	22	9,13%		
Chăm chỉ	219	90,87%	22	9,13		
Trung thực	223	92,53%	18	7,47%		
Trách nhiệm	221	91,7%	20	8,3%		

3. Chỉ tiêu về năng lực

3.1. Những năng lực chung

Năng lực	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
Tự chủ và tự học	231	95,85%	10	4,15%		
Giao tiếp và hợp tác	222	92,22%	19	7,78%		
GQVĐ và sáng tạo	216	89,63%	25	10,37%		

3.2. Những năng lực đặc thù

Năng lực	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
Ngôn ngữ	213	88,38%	28	11,62%		
Tính toán	213	88,38%	28	11,62%		
Khoa học	217	90,04%	24	9,96%		
Công nghệ	217	90,42%	24	9,96%		
Tin học	217	90,42%	24	9,96%		
Thẩm mỹ	217	90,42%	24	9,96%		
Thể chất	217	90,42%	24	9,96%		

4. Chỉ tiêu về hoàn thành chương trình lớp học:

Xếp loại	Số lượng	Tỉ lệ	Xếp loại	Số lượng	Tỉ lệ
- Số HS hoàn thành xuất sắc:	122	50,62%	-Số HS hoàn thành:	45	18,67%
- Số HS hoàn thành tốt:	74	30,71%	-Số HS chưa hoàn thành:		
5. Số HS được lên lớp:	241	100%	-Số HS rèn luyện trong hè:		

Khối 4 Sĩ số: 242

1. Chỉ tiêu về kết quả các môn học và hoạt động giáo dục

Môn học	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
Tiếng Việt	194	80,17%	48	19,83%		
Toán	188	77,69%	54	22,31%		
Tiếng Anh	186	76,86%	56	23,14%		
Tin học	214	88,43%	28	11,57%		

Công nghệ	217	89,67%	25	10,33%		
Khoa học	196	80,99%	46	19,01%		
LS&ĐL	186	76,86%	56	23,14%		
Đạo đức	238	98,35%	4	1,65%		
GDTC	220	90,91%	22	9,09%		
Âm nhạc	200	82,64%	42	17,36%		
Mĩ thuật	218	90,08%	24	9,92%		
HĐTN	198	81,82%	4	18,18%		

2. Chỉ tiêu về phẩm chất

Phẩm chất	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
Yêu nước	242	100 %				
Nhân ái	230	95,04%	12	4,96%		
Chăm chỉ	218	90,08%	24	9,92%		
Trung thực	230	95,04%	12	4,96%		
Trách nhiệm	218	90,08%	24	9,92%		

3. Chỉ tiêu về năng lực

3.1. Những năng lực chung

Năng lực	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
Tự chủ và tự học	225	92,98%	17	7,02%		
Giao tiếp và hợp tác	218	90,08%	24	9,92%		
GQVĐ và sáng tạo	27	89,67%	25	10,33%		

3.2. Những năng lực đặc thù

Năng lực	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
Ngôn ngữ	217	89,67%	25	10,33%		
Tính toán	214	88,43%	28	11,57%		

Khoa học	217	89,67%	25	10,33%		
Công nghệ	217	89,67%	25	10,33%		
Tin học	214	88,43%	28	11,57%		
Thẩm mỹ	218	90,08%	24	9,92%		
Thể chất	220	90,91%	22	9,09%		

4. Chỉ tiêu về hoàn thành chương trình lớp học:

Xếp loại	Số lượng	Tỉ lệ	Xếp loại	Số lượng	Tỉ lệ
- Số HS hoàn thành xuất sắc:	105	43,39%	-Số HS hoàn thành	60	24,79%
- Số HS hoàn thành tốt:	77	31,82%	-Số HS chưa hoàn thành:		
5. Số HS được lên lớp:	242	100%	-Số HS rèn luyện trong hè:		

Khối 5 Sĩ số: 213

1. Chỉ tiêu về kết quả các môn học và hoạt động giáo dục

Môn học	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
Tiếng Việt	163	76,53%	50	23,47%		
Toán	155	72,76 %	58	27,24%		
Tiếng Anh	163	76,53%	50	23,47%		
Tin học	176	82,62%	37	17,38%		
Công nghệ	176	82,62%	37	17,38%		
Khoa học	178	83,56 %	35	16,44%		
LS&ĐL	166	77,93%	47	22,07%		
Đạo đức	213	100%				
GDTC	184	86,38%	29	13,62%		
Âm nhạc	166	77,93%	47	22,07%		
Mĩ thuật	184	86,38%	29	13,62%		
HĐTN	182	85,44%	31	14,56%		

2. Chỉ tiêu về phẩm chất

Phẩm chất	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
Yêu nước	213	100%	0	0		
Nhân ái	213	100%	0	0		
Chăm chỉ	179	84,03%	34	15,97%		
Trung thực	213	100%	0	0		
Trách nhiệm	206	96,71%	7	3,29%		

3. Chỉ tiêu về năng lực

3.1. Những năng lực chung

Năng lực	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
Tự chủ và tự học	188	88,26%	25	11,74%		
Giao tiếp và hợp tác	189	88,73%	24	11,27%		
GQVĐ và sáng tạo	188	88,26%	25	11,74%		

3.2. Những năng lực đặc thù

Năng lực	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
Ngôn ngữ	163	76,53%	50	23,47%		
Tính toán	155	72,76%	58	27,24%		
Khoa học	178	83,56 %	35	16,44%		
Công nghệ	176	82,62%	37	17,38%		
Tin học	176	82,62%	37	17,38%		
Thẩm mỹ	184	86,38%	29	13,62%		
Thể chất	184	86,38%	29	13,62%		

4. Chỉ tiêu về hoàn thành chương trình lớp học:

Xếp loại	Số lượng	Tỉ lệ	Xếp loại	Số lượng	Tỉ lệ
- Số HS hoàn thành xuất sắc:	82	38,49%	-Số HS hoàn thành:	62	29,12%

- Số HS hoàn thành tốt:	69	32,39%	-Số HS chưa hoàn thành:	0	0
5. Số HS được lên lớp (THCTTH):	213	100%	-Số HS rèn luyện trong hè:	0	0

- 100% học sinh diện phổ cập hoàn thành chương trình lớp học và được lên lớp.
- 100% học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình Tiểu học.
- Khảo sát chất lượng học sinh trong năm học các khối lớp từ mức bình quân của huyện trở lên.
- Số học sinh được nhà trường khen thưởng đạt từ 65% trở lên.

2.2. Các cuộc thi và giao lưu:

- Hùng biện Tiếng Anh: Phần đầu có từ 6-10 HS trở lên đạt giải cấp huyện, phần đầu có HS tham gia thi cấp tỉnh.
- Thi trạng nguyên Tiếng Việt: phần đầu có từ 172 học sinh đạt giải cấp huyện, có từ 103 HS đạt giải cấp tỉnh.
- Triển lãm Viết chữ đúng và đẹp: Phần đầu có 46 HS trở lên đạt giải, có HS tham gia triển lãm và đạt giải chữ đẹp cấp tỉnh.
- Thi TDTT: Phần đầu có 3 HS đạt giải thi TDTT cấp huyện. Có HS đạt giải cấp tỉnh.
- Hội thi Giai điệu tuổi hồng: Có tiết mục tham gia thi đạt giải cấp huyện, cấp tỉnh.
- Phần đầu có nhiều lượt cá nhân và tập thể có bài đăng trên Toán tuổi thơ, Văn tuổi thơ. (Phần đầu mỗi tháng đều có tập thể cá nhân có bài trên tạp chí)
- Phần đầu số lượng HS tham gia và thi đỗ vào THCS Xuân Trường đạt và vượt chỉ tiêu giao.
- Thi Giáo viên giỏi cấp huyện: có 10 giáo viên tham gia thi và đạt danh hiệu GVG cấp huyện. Có GS đạt GVG cấp tỉnh.
- Phần đầu mỗi tổ chuyên môn có từ 2 thiết bị dạy học số tham gia thi cấp tỉnh và đạt giải.
- Thi Tổng PTĐ giỏi cấp tỉnh: phần đầu có GV tham gia.
- Phần đầu có nhiều CBGVNV có sáng kiến có phạm vi ảnh hưởng cấp ngành, có Sáng kiến được công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng cấp tỉnh.

IV. TỔ CHỨC CÁC MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TRONG NĂM HỌC

1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục (PL1.1)

TT	Hoạt động giáo dục	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
		Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2
Môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc																
1	Tiếng Việt	420	216	204	350	180	170	245	126	119	245	126	119	245	126	119
2	Toán	105	54	51	175	90	85	175	90	85	175	90	85	175	90	85
3	Đạo đức	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
4	TNXH	70	36	34	70	36	34	70	36	34						
5	Khoa học										70	36	34	70	36	34
6	LS&ĐL										70	36	34	70	36	34
7	Âm nhạc	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
8	Mỹ thuật	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
10	GDTC	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
11	HĐTN	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51
12	Tin học							35	18	17	35	18	17	35	18	17
13	Công nghệ							35	18	17	35	18	17	35	18	17
14	Tiếng Anh							140	72	68	140	72	68	140	72	68
TỔNG		875	450	425	875	450	425	980	504	476	1050	540	510	1050	540	510
Môn học tự chọn																
	Tiếng Anh	70	36	34	70	36	34									
	TỔNG	70	36	34	70	36	34									
3. Hoạt động củng cố, tăng cường																

1	Ôn TV	70	44	26	69	44	25	59	41	18	17	16	1	18	17	1
2	Ôn Toán	57	37	20	56	37	19	31	22	9	14	13	1	13	12	1
3	Tiết đọc TV	15	8	7	16	8	8	16	8	8	9	7	2	10	8	2
4	HĐGD	13	9	4	14	9	5	14	9	5	10	8	2	9	7	2
TỔNG		155	98	57	155	98	57	120	80	40	50	44	6	50	44	6
TỔNG CỘNG		1100	584	516	1100	584	516	1100	584	516	1100	584	517	1100	584	516

2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học

2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học. (PL1.2)

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
Tháng 9	Cùng bạn tới trường	- Tìm hiểu truyền thống nhà trường - Học tập các nội quy, quy định nề nếp của nhà trường - Tìm hiểu về an toàn giao thông	HĐTT	Tuần 1,2,3	GV, HS	BGH, TPT Đội
Tháng 10	Chăm ngoan, học giỏi	- Tổ chức kỷ niệm ngày Bác Hồ gửi bức thư cuối cùng cho ngành giáo dục vào ngày 15/10. - GV, HS tích cực xây dựng tiết học hay, bài học tốt. - Tổ chức các HĐTT chủ đề Ngày PNVN 20/10.	Giao lưu, HĐTT	Tuần 4,5,6,7,8	GV, HS	BGH, TPT Đội
Tháng 11	Nhớ ơn thầy cô	- Giới thiệu truyền thống ngày Nhà giáo VN 20-11. - Làm báo tường, hát múa, kể chuyện, đọc thơ,	Giao lưu, HĐTT, trưng bày sản phẩm	Tuần 9,10,11, 12	GV, HS	BGH, TPT Đội, PHHS

		vẽ tranh,... chủ đề: “Nhớ ơn thầy cô”.				
Tháng 12	Uống nước nhớ nguồn	- Tìm hiểu về truyền thống và tổ chức các hoạt động chào mừng kỷ niệm ngày thành lập QĐND VN 22/12. - Tổ chức thi các nội dung TĐTT. - Tìm hiểu và chăm sóc Nghĩa trang liệt sĩ; Đền Tự Lạc,,,,,	Giao lưu, LĐVS	Tuần 13,14,15, 16,17	GV, HS	BGH, TPT Đội, đoàn viên, PHHS
Tháng 1	Chào năm mới 2025	- Giao lưu văn nghệ. - Làm các sản phẩm về “Ngày Tết quê em”: vẽ, cắt, dán cảnh đào, cây quất, mâm ngũ quả,...; HS trưng bày sản phẩm.	Giao lưu, HĐTT	Tuần 18,18*,19	GV, HS	BGH, TPT Đội, PHHS
Tháng 2	Mừng Đảng quang vinh	- Tìm hiểu về ngày thành lập Đảng CSVN 03/2. - Tổ chức các hoạt động ca ngợi Đảng, Bác Hồ; hát về mùa xuân.	Giao lưu, HĐTT	Tuần 20,21, 22,23	GV, HS	BGH, TPT Đội
Tháng 3	Tiến bước lên Đoàn	- Học sinh hát, múa các bài hát về bà, mẹ, cô giáo,... - Làm sản phẩm sáng tạo chủ đề 08/3 (bưu thiếp, lăng hoa, ...)	Giao lưu, HĐTT	Tuần 24,25, 26,27	GV, HS	BGH, TPT Đội, đoàn viên
Tháng 4	Mừng non sông thống nhất	- Tìm hiểu về ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước 30/4; truyền thống của	Giao lưu, HĐTT	Tuần 28,29,30, 31,32	GV, HS	BGH, TPT Đội

		quê hương, đất nước. - Biểu diễn văn nghệ ca ngợi về quê hương, đất nước, con người Việt Nam.				
Tháng 5	Tự hào đội viên	- Tìm hiểu về Bác Hồ kính yêu, - Biểu diễn văn nghệ, kể chuyện, giới thiệu sách hay viết về Bác Hồ, ... - Tìm hiểu về truyền thống của Đội.	Giao lưu, HĐTT	Tuần 33,34,35	GV, HS	BGH, TPT Đội, đoàn viên

**2.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày.
(PL1.3)**

TT	Nội dung	Hoạt động	Đối tượng/ quy mô	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú
I	Giáo dục KNS	Tổ chức các HĐ	HS	Tiết 4 các buổi chiều thứ hai, ba, tư, năm và chiều thứ sáu hàng tuần	Tại các lớp học	
II	Giao lưu, TNST					
1	Tìm hiểu về “An toàn giao thông”	Rung chuông vàng, Hái hoa dân chủ, văn nghệ	Toàn trường	Tuần 2	Tại sân trường	
2	Giao lưu “Mừng ngày Phụ nữ Việt Nam”	Giao lưu văn nghệ, làm SP sáng tạo	Khối lớp	Tuần 6	Tại các lớp học	
3	Giao lưu “Nhớ ơn Thầy cô”	Giao lưu văn nghệ, trình diễn thời trang, làm SP sáng tạo	Toàn trường	Tuần 10	Tại sân trường	

4	Giao lưu nhân kỷ niệm ngày thành lập QĐNDVN 22/12	Tìm hiểu về truyền thống QĐNDVN, thi đấu các môn thể thao, chơi các trò chơi dân gian	Toàn trường	Tuần 15	Tại sân trường
5	Ngày hội STEM	Làm SP, trưng bày sản phẩm STEM.	Toàn trường	Ngày 17/01	Tại sân trường
6	Giao lưu “Mừng ngày Quốc tế PN 08/3”	Giao lưu VN; làm SP sáng tạo	Khối lớp	Tuần 24	Tại các lớp học
7	Giao lưu “Mừng ngày toàn thắng 30/4”	Giao lưu văn nghệ, biểu diễn tài năng,...	Khối lớp	Tuần 31	Tại sân trường

3. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2024-2025 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục

Thực hiện Quyết định số 1708/QĐ-UBND ngày 12/8/2024 của UBND tỉnh Nam Định về Khung kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 cụ thể đối với giáo dục tiểu học.

+ Tụ trường: Ngày 29/8/2024 (Riêng đối với lớp 1 tụ trường vào ngày 22/8/2024)

+ Khai giảng: Ngày 05/9/2024

+ Ngày bắt đầu học kỳ I: Ngày 06/9/2024

+ Ngày kết thúc học kỳ I: Trước ngày 18/01/2025

+ Ngày bắt đầu học kỳ II: Ngày 20/01/2025

+ Ngày kết thúc học kỳ II: Trước ngày 24/5/2025

+ Ngày kết thúc năm học: Trước ngày 31/5/2025

+ Xét công nhận HTCTGD Tiểu học: Xong trước ngày 27/5/2025

+ Xét hoàn thành tuyển sinh các lớp đầu cấp trước ngày 31/7/2025

KHUNG THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH VÀ TỔ CHỨC CÁC HĐGD NĂM HỌC 2024- 2025 (PL 1.4)

TUẦN	THỨ	HAI	BA	TƯ	NĂM	SÁU	BẢY	CN
	BUỔI							
Tuần 1,2 (Tuần 1 từ 6/9-12/9; Tuần 2 từ 13/9 đến 20/9)	TUẦN 0: SINH HOẠT CHUYÊN MÔN TOÀN TRƯỜNG							
	SÁNG				KHAI GIẢNG	LÊN LỚP		
	CHIỀU					GDKNS		
	SÁNG	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP		
	CHIỀU	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	GDKNS		

TUẦN	THỨ	HAI	BA	TU	NĂM	SÁU	BẢY	CN
	BUỔI							
	SÁNG	LÊN LỚP	NGHỈ TẾT TRUNG THU	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP		
	CHIỀU			LÊN LỚP	LÊN LỚP	GDKNS	SHCM	
Tuần 3 (23/9-29/9)	SÁNG	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP		
	CHIỀU	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	GDKNS		
Tuần 4 (30/9-6/10)	SÁNG	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP		
	CHIỀU	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	GDKNS	SHCM	
Tuần 5 (7/10-13/10)	SÁNG	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP		
	CHIỀU	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	GDKNS		
Tuần 6 (14/10-20/10)	SÁNG	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP		
	CHIỀU	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	GIAO LƯU CĐ 20/10	SHCM	
Tuần 7 (21/10-27/10)	SÁNG	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP		
	CHIỀU	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	GDKNS		
Tuần 8 (28/10-3/11)	SÁNG	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP		
	CHIỀU	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	GDKNS	SHCM	
Tuần 9 (4/11-10/11)	SÁNG	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP		
	CHIỀU	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	KTĐK GIỮA HKI		
Tuần 10 (11/11-17/11)	SÁNG	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP		
	CHIỀU	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	GIAO LƯU CĐ 20/11	SHCM	
Tuần 11 (18/11-24/11)	SÁNG	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP		
	CHIỀU	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	GDKNS		
Tuần 12 (25/11-1/12)	SÁNG	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP		
	CHIỀU	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	GDKNS	SHCM	
Tuần 13 (2/12-8/12)	SÁNG	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP		
	CHIỀU	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	GDKNS		
Tuần 14 (9/12-15/12)	SÁNG	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP		
	CHIỀU	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	GDKNS	SHCM	
Tuần 15 (16/12-22/12)	SÁNG	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP		
	CHIỀU	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	GDKNS		
Tuần 16 (23/12-29/12)	SÁNG	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP		
	CHIỀU	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	GDKNS	SHCM	
Tuần 17 (30/12-5/01)	SÁNG	LÊN LỚP	LÊN LỚP	NGHỈ TẾT DL	LÊN LỚP	LÊN LỚP		
	CHIỀU	LÊN LỚP	LÊN LỚP		LÊN LỚP	GDKNS		
Tuần 18 (6/01-12/01)	SÁNG	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP			
	CHIỀU	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	KTĐK CUỐI HKI	SHCM		

TUẦN	THỨ	HAI	BA	TU	NĂM	SÁU	BẢY	CN
	BUỔI							
Tuần (13/01-19/01)	SÁNG	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	NGÀY HỘI STEM		
	CHIỀU	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	GDKNS		
Tuần 19 (20/01-26/01)	SÁNG	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP		
	CHIỀU	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	GDKNS		
Tuần (27/01-02/2)	NGHỈ TẾT NGUYÊN ĐÁN							
Tuần 20 (03/02-09/02)	SÁNG	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP		
	CHIỀU	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	GDKNS	SHCM	
Tuần 21 (10/02-16/02)	SÁNG	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP		
	CHIỀU	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	GDKNS		
Tuần 22 (17/02-23/02)	SÁNG	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP		
	CHIỀU	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	GDKNS	SHCM	
Tuần 23 (24/02-02/3)	SÁNG	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP		
	CHIỀU	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	GDKNS		
Tuần 24 (3/3-9/3)	SÁNG	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP		
	CHIỀU	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	GDKNS	SHCM	
Tuần 25 (10/3-16/3)	SÁNG	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP		
	CHIỀU	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	GDKNS		
Tuần 26 (17/3-23/3)	SÁNG	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP		
	CHIỀU	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	KTĐK GIỮA HKII	SHCM	
Tuần 27 (24/3-30/3)	SÁNG	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP		
	CHIỀU	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	GDKNS		
Tuần 28 (31/3-6/4)	SÁNG	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP		
	CHIỀU	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	GDKNS	SHCM	
Tuần 29 (7/4-13/4)	SÁNG	NGHỈ GIỜ TỜ HV	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP		
	CHIỀU		LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	GDKNS		
Tuần 30 (14/4-20/4)	SÁNG	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP		
	CHIỀU	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	GDKNS	SHCM	
Tuần 31 (21/4-27/4)	SÁNG	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP		
	CHIỀU	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	GLCĐ 30/4		
Tuần 32 (28/4-4/5)	SÁNG	LÊN LỚP	LÊN LỚP	NGHỈ 30/4	NGHỈ 01/5	LÊN LỚP	SHCM	
	CHIỀU	LÊN LỚP	LÊN LỚP			GDKNS		
Tuần 33 (5/5-11/5)	SÁNG	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP		
	CHIỀU	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	GDKNS		
Tuần 34	SÁNG	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP			

TUẦN	THỨ	HAI	BA	TƯ	NĂM	SÁU	BẢY	CN
	BUỔI							
(12/5-18/5)	CHIỀU	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	KTĐK CUỐI NĂM HỌC		SHCM	
Tuần 35 (19/5-24/5)	SÁNG	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP		
	CHIỀU	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	LÊN LỚP	GDKNS		

Bảng phân phối chương trình tổng hợp và Kế hoạch giáo dục ở từng tuần học đối với từng khối lớp. (Phụ lục đính kèm cuối kế hoạch)

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Giải pháp 1. Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

a) *Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường để chủ động, linh hoạt thực hiện và hoàn thành chương trình năm học*

Phân công đồng chí Phó Hiệu trưởng nhà trường phụ trách công tác chuyên môn tập trung xây dựng kế hoạch giáo dục theo hướng dẫn, phù hợp với khung thời gian năm học của UNND tỉnh và thông qua việc tổng hợp, thống nhất giữa các tổ khối chuyên môn, đảm bảo thực hiện đầy đủ nội dung các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, lựa chọn nội dung giáo dục tự chọn và xây dựng các hoạt động giáo dục phù hợp với nhu cầu của học sinh và điều kiện của nhà trường, địa phương.

Các tổ khối chuyên môn căn cứ vào khung thời gian thực hiện chương trình và tổ chức các hoạt động giáo dục, chủ động xây dựng kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục xong trước ngày 31/8/2024.

Trong quá trình xây dựng kế hoạch bài dạy, căn cứ vào mạch nội dung, yêu cầu cần đạt của chương trình môn học, hoạt động giáo dục và nội dung bài học, chủ đề học tập được thiết kế trong sách giáo khoa; đặc điểm địa phương, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường và đặc điểm đối tượng học sinh, giáo viên chủ động xây dựng kế hoạch bài dạy, đề xuất những nội dung cần điều chỉnh hoặc bổ sung, tích hợp; điều chỉnh thời lượng thực hiện; nguồn học liệu và thiết bị dạy học; hình thức tổ chức và phương pháp dạy học; hình thức tổ chức và phương pháp đánh giá.

b) *Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông*

Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, mỗi ngày không quá 7 tiết (9 buổi/tuần tức là 32 tiết/tuần); kế hoạch giáo dục đảm bảo phân bổ hợp lý giữa các nội dung giáo dục, giúp học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập, yêu cầu cần đạt của chương trình; tạo điều kiện cho học sinh được học tập các môn học tự chọn và tham gia các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện ở tiểu học. Thời khóa biểu được sắp xếp một cách khoa học, đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các nội dung dạy học và hoạt động giáo dục, phân bổ hợp lý về thời lượng, thời điểm trong ngày học và tuần học phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi học sinh tiểu học.

Sắp xếp để giáo viên dạy môn chuyên dạy được ở 2 điểm trường.

Tổ chức các hoạt động cho học sinh ngoài giờ học chính thức trong ngày theo nhu cầu của học sinh trong khoảng thời gian từ sau giờ học chính thức cho đến thời điểm được cha mẹ học sinh đón về nhà. Căn cứ vào nhu cầu của học sinh, tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động trải nghiệm hoặc sử dụng cơ sở vật chất của nhà trường (thư viện, sân chơi, bãi tập...) tạo điều kiện để học sinh vui chơi, giải trí sau giờ học chính thức trong ngày; tạo những sân chơi bổ ích, thiết thực, tinh giản như: An toàn giao thông cho nụ cười trẻ thơ, vẽ tranh ATGT, Hùng biện Tiếng Anh, trạng nguyên Tiếng Việt, viết chữ đúng và đẹp... Chú trọng công tác phát hiện và quan tâm bồi dưỡng cho học sinh có năng khiếu, phát huy được năng lực, sở trường của mình. Nhà trường thực hiện đầy đủ các quy trình thủ tục theo quy định để tổ chức các hoạt động ngoài giờ học chính thức cho học sinh.

Thực hiện dạy học các môn học, hoạt động giáo dục bắt buộc, các môn học tự chọn theo quy định của Chương trình GDPT 2018; tổ chức các hoạt động củng cố để học sinh hoàn thành nội dung học tập, các hoạt động giáo dục đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh; các hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hóa, lịch sử, truyền thống của địa phương.

Chỉ đạo các tổ chuyên môn và giáo viên xây dựng kế hoạch thực hiện nội dung tích hợp, lồng ghép theo Công văn 929/GDDT-TH ngày 31/5/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định. Yêu cầu tổ chuyên môn rà soát, tìm địa chỉ các bài có nội dung liên quan, lập thành bảng theo dõi, đưa vào phần điều chỉnh để cập nhật và triển khai thực hiện. Kế hoạch bài dạy phải thể hiện rõ được những nội dung được lồng ghép, tích hợp thông qua việc **ghi tên bài và nội dung được bổ sung bằng việc đổi màu chữ**. (Có bảng danh mục địa chỉ các khối lớp đã lập)

Động viên, khuyến khích và bồi dưỡng học sinh lớp 5 dự thi tuyển vào lớp 6 trường THCS Xuân Trường. Nhà trường cho học sinh tự nguyện đăng kí để tổ chức ôn luyện ngay từ đầu năm học.

Phân công bồi dưỡng: Giáo viên chủ nhiệm

* *Tổ chức thực hiện:*

+ Phụ trách: Ban giám hiệu

+ Thực hiện: Giáo viên, học sinh

+ Thời gian: Trong suốt năm học.

Giải pháp 2. Tổ chức dạy học các môn Tiếng Anh, Tin học

a) Tổ chức dạy học môn Tiếng Anh

- *Đối với lớp 1, lớp 2:* Tiếp tục triển khai Chương trình môn Tiếng Anh tự chọn đảm bảo các yêu cầu được quy định trong Chương trình GDPT 2018, thời lượng 2 tiết/tuần. Thực hiện dạy học Tiếng Anh theo bộ sách **I-Learn Smart Start**.

- *Đối với lớp 3 và lớp 4, lớp 5:* Triển khai thực hiện các giải pháp để tổ chức dạy học môn Tiếng Anh, bảo đảm tính liên thông và theo các yêu cầu được

quy định trong Chương trình GDPT 2018 (là môn học bắt buộc); tập trung các điều kiện đảm bảo dạy học các môn học này theo Kế hoạch số 160/KH-BGDĐT ngày 19/02/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai sử dụng Hệ thống học liệu tiếng Anh trên máy tính và trực tuyến cấp tiểu học. Thực hiện dạy 4 tiết/ tuần theo bộ sách **Global Success**.

Chỉ đạo tổ Tiếng Anh tích cực tổ chức cho học sinh giao lưu đầu tuần bằng Tiếng Anh, định hướng cho học sinh học Tiếng Anh qua truyền hình, trên internet.

Tổ chức cho học sinh giao lưu ít nhất 01 lần trong các buổi sinh hoạt dưới cờ thông qua nhiều hình thức hoạt động: trò chơi, viết, nói... Trong năm tổ xây dựng kế hoạch để tổ chức nghiên cứu, thiết kế 1 tiết học tổ chức liên kết dạy xuyên biên giới với học sinh và giáo viên người nước ngoài.

+ *Phụ trách: Đ.c Lại Thị Huyền – TTCM tổ Tiếng Anh*

+ *Thực hiện: Giáo viên Tiếng Anh, học sinh*

+ *Thời gian: Trong suốt năm học.*

b) Tổ chức dạy học môn Tin học

Tổ chức dạy học môn Tin học bắt buộc cho học sinh lớp 3, lớp 4, lớp 5 theo yêu cầu được quy định trong Chương trình GDPT 2018. Yêu cầu giáo viên dạy Tin học bám sát nội dung theo từng chủ đề, mạch kiến thức để củng cố, khắc sâu các kiến thức, đồng thời tạo điều kiện để học sinh được nghiên cứu, tìm hiểu, khám phá, mở rộng kiến thức Tin học, phát triển năng lực Tin học.

Thực hiện đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Tăng cường kỹ năng cho học sinh thực hành.

+ *Phụ trách: Ban giám hiệu*

+ *Thực hiện: Giáo viên dạy Tin học, học sinh*

+ *Thời gian: Trong suốt năm học.*

Giải pháp 3. Triển khai giáo dục STEM

Chỉ đạo các tổ chuyên môn, từng giáo viên chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện giáo dục STEM theo định hướng Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học phù hợp với điều kiện thực tế theo Công văn 223/GDĐT-TH ngày 28/7/2023 về triển khai thực hiện giáo dục STEM cấp tiểu học từ năm học 2023 - 2024. Trong năm học, mỗi tổ chuyên môn lựa chọn ít nhất 8 bài học STEM (16 tiết), đưa vào Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục của tổ và triển khai thực hiện đảm bảo đạt hiệu quả cao. Dự kiến tổ chức hoạt động ngoại khóa “Ngày hội STEM” vào cuối học kì I (ngày 17/01/2024)

Mỗi tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch tổ chức SHCM theo nghiên cứu bài học với chuyên đề “Bài học STEM”. Chỉ đạo tổ chuyên môn **khối 3** tổ chức SHCM theo NCBH cấp trường với chuyên đề “Bài học STEM”. Trên cơ sở đó định hướng để các tổ chuyên môn khác rút kinh nghiệm, triển khai thực hiện đạt hiệu quả.

Thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của giáo viên, cha mẹ học sinh, học sinh về vai trò của giáo dục STEM. Cung cấp địa chỉ nguồn học liệu tại website <https://stemtieuhoc.edu.vn> hoặc <https://sachthietbigiaoduc.vn> để giáo viên lựa chọn nguồn học liệu đưa vào giảng dạy. Tổ chức cho các tổ chuyên môn đăng kí các bài học STEM đưa vào giảng dạy trong năm học

***Kế hoạch bài dạy STEM của các khối**

STT	Tổ CM	Môn chủ đạo	Tên bài học	Tuần dạy
1	Một	Môn chủ đạo	Tên bài học	Tuần dạy
		Toán	Bài 4: Thực hành trang trí lớp học bằng các hình hình học	1
		Toán	Bài 5: Dụng cụ tính cộng, tính trừ	17
		Toán	Bài 13: Mô hình tính dọc	29
		Toán	Bài 10: Bảng các số từ 1 đến 100	31
		TNXH	Bài 7: Đèn hiệu và biển báo giao thông	14
		TNXH	Bài 11: Chăm sóc và bảo vệ vật nuôi	20
		TNXH	Bài 15: Bầu trời ban ngày và ban đêm	33
2	Hai	TOÁN	Bài 2: Tia số của em	2
		TOÁN	Bài 7: Thanh cộng trong phạm vi 20	4
		TOÁN	Bài : Lịch để bàn tiện ích	16
		TOÁN	Bài : Thực hành biểu diễn số với bàn tính	25
		TNXH	Bài 2: Nghề nghiệp của người thân	2
		TNXH	Bài 4: Giữ gìn vệ sinh nhà ở	4
		TNXH	Bài 17: Nơi sống của động vật	18
		TNXH	Bài 28: Các mùa trong năm	31
3	Ba	TN&XH	Bài 1: Họ hàng nội, ngoại	1
		TN&XH	Bài 7: Các bộ phận của thực vật	16
		TN&XH	Bài 15: Bề Mặt trái đất	31

STT	Tổ CM	Môn chủ đạo	Tên bài học	Tuần dạy
		TN&XH	Bài 16: Mô hình mặt trời- trái đất- mặt trăng	33
		Toán	Bài 2: Bảng nhân, chia	13
		Toán	Trải nghiệm cùng một phần mấy	16
		Toán	Bài 10: Sử dụng đồng hồ số La Mã	22
		Toán	Bài 13: Trải nghiệm cùng diện tích hình vuông, hình chữ nhật	30
4	Bốn	Toán	Bài 3: Bộ chữ số bí ẩn	5
		Khoa học	Bài 5: Âm thanh trong cuộc sống	11
		Khoa học	Bài 6: Dẫn nhiệt	13
		Toán	Bài 11: Thực hành ước lượng trong tính toán đơn giản	17
		Toán	Bài 15: Thực hành trải nghiệm cùng bộ lắp ghép hình phẳng	23
		Khoa học	Bài 12: Ăn uống cân bằng	24
		Toán	Bài 4: Thế kỉ	27
		Khoa học	Bài 14: Chuỗi thức ăn trong tự nhiên	30
5	Năm	Toán	Dụng cụ học số thập phân	6
		Toán	Thực hành – Trải nghiệm cùng bộ lắp ghép hình Tangram	14
		Toán	Sử dụng máy tính cầm tay	20
		Khoa học	Máy phát điện gió	8
		Khoa học	Mô hình thuyền buồm	12
		Khoa học	Trồng cây không hạt	15
		Khoa học	Vòng đời của động vật	17
		Khoa học	Cắm nang chăm sóc sức khỏe tuổi dậy thì	27

Phụ trách: BGH phụ trách khối

Thực hiện: Các tổ chuyên môn

Giải pháp 4. Nâng cao hiệu quả phương pháp và hình thức tổ chức dạy học; phương pháp và hình thức đánh giá học sinh

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

Giáo viên thực hiện linh hoạt phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh; vận dụng phù hợp những thành tố tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, đặc biệt là đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục trên lớp học; tăng cường tổ chức thực hành trải nghiệm và vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống.

Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá học sinh, dạy học tích hợp, lồng ghép các nội dung giáo dục một cách linh hoạt với các hình thức tổ chức phù hợp theo kế hoạch giáo dục của nhà trường, trong đó quan tâm đến nội dung lồng ghép giáo dục quốc phòng và an ninh và các nội dung trong Công văn số 929/GDĐT-TH ngày 31/5/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định.

b) Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức đánh giá

Đầu năm học cán bộ quản lý tập huấn cho giáo viên các phương pháp và hình thức đánh giá theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đặc biệt chú ý sử dụng thư khen để đánh giá sự tiến bộ của học sinh. Sử dụng có hiệu quả thư khen trong lớp học, trong nhà trường nhằm đánh giá sự tiến bộ của các em. Nhân rộng điển hình thông qua tuyên truyền trong các buổi sinh hoạt dưới cờ;

Giáo viên thực hiện đánh giá kết quả giáo dục cuối năm học đảm bảo nghiêm túc, khách quan, đúng với các văn bản hướng dẫn, kiên quyết không để học sinh “ngồi nhầm lớp”; thực hiện khen thưởng học sinh đúng quy định, đúng đối tượng, đúng mức độ, tuyệt đối không khen học sinh theo cảm tính, khen tràn lan.

Tiếp tục tổ chức tập huấn về hình thức tổ chức, phương pháp đánh giá thường xuyên; biên soạn đề kiểm tra định kỳ cho các môn học theo Chương trình GDPT 2018 và theo các Thông tư quy định đánh giá học sinh Tiểu học; tổ chức thực hiện bài kiểm tra định kỳ cho các môn học theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT và Quyết định số 2904/QĐ-BGDĐT ngày 07/10/2022.

Phân công cán bộ quản lý phụ trách đề kiểm tra định kì:

- Khối 1: Đồng chí Trần Minh Tú
- Khối 2,3: Đồng chí Nguyễn Thị Huyền
- Khối 4: Đồng chí Phạm Văn Thanh
- Khối 5: Đồng chí Phạm Thị Thu Yên

Giải pháp 5: Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ

**Bồi dưỡng giáo viên đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học*

thông qua các tiết dạy trong và ngoài lớp học, qua việc học tập chuyên môn từ đồng nghiệp, qua các buổi hội thảo, chia sẻ kinh nghiệm thông qua việc SHCM theo NCBH, theo chuyên đề. **Mỗi học kì mỗi tổ chuyên môn có ít nhất 1 chuyên đề SHCM theo nghiên cứu bài học. Mỗi giáo viên mỗi kì phải tổ chức được một tiết dạy tại thư viện lớp.** Yêu cầu các tổ chuyên môn xác định rõ mục tiêu cụ thể mình cần đạt, đăng kí chuyên đề và thời gian thực hiện. Bố trí, sắp xếp để tối đa GV dạy khối 5 – năm đầu tiên thực hiện chương trình GDPT 2018 được thay phiên nhau đến dự giờ, học hỏi kinh nghiệm từ các trường trong huyện khi Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức SHCM cấp huyện.

Bồi dưỡng đội ngũ thông qua các buổi SHCM định kì 2 tuần/lần. Chú trọng đổi mới nội dung và hình thức SHCM. Nội dung SHCM định kì cần thay đổi theo nhiều hình thức khác nhau, tập trung vào SHCM theo chuyên đề và NCBH. SHCM đảm bảo chất lượng, nâng cao năng lực chuyên môn, kĩ năng sư phạm cho giáo viên, kịp thời tháo gỡ những khó khăn về đổi mới phương pháp dạy học và các hoạt động đánh giá học sinh. CBQL được phân công phụ trách tổ chuyên môn tham dự các buổi sinh hoạt chuyên môn ở tổ khối để quản lí, chỉ đạo, giúp giáo viên tháo gỡ khó khăn trong chuyên môn, đưa sinh hoạt chuyên môn trở thành hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

Tiếp tục tổ chức hiệu quả các buổi SHCM tại trường, tại các tổ chuyên môn trong trường và tham gia với các trường trong miền, trong huyện. Khuyến khích các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch SHCM theo nhu cầu, từ đó BGH có kế hoạch tổ chức SHCM đối với từng khối và toàn trường. Tích cực tham gia SHCM cấp miền, cấp huyện.

Cán bộ quản lý tạo điều kiện để giáo viên nâng cao năng lực trên cơ sở cung cấp các địa chỉ, các trang có dữ liệu kho học liệu số dùng chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của các nhà xuất bản SGK để giáo viên nâng cao năng lực nghề nghiệp.

Tập huấn thường xuyên để giáo viên sử dụng thành thạo tài khoản OLM đã được cấp để phục vụ cho các hoạt động giảng dạy.

Phân công cán bộ quản lý phụ trách Tổ chuyên môn:

- + Đồng chí Phạm Thị Thu Yên: Phụ trách Tổ 5,
- + Đồng chí: Phạm Văn Thanh: Phụ trách Tổ 4, Tổ Bộ môn, Tổ Tiếng Anh
- + Đồng chí Nguyễn Thị Huyền: Phụ trách Tổ 2, Tổ 3.
- + Đồng chí Trần Minh Tú: Phụ trách Tổ 1.

** Bồi dưỡng giáo viên thực hiện chuyển đổi số:*

- Tiếp tục phổ biến tới tất cả cán bộ, giáo viên nhà trường Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên. Có ý kiến bổ sung trên kế hoạch chuyển đổi số đã được Hiệu trưởng xây dựng.

- Yêu cầu các thành viên tổ chuyên môn tiếp tục duy trì thực hiện tốt các hệ thống trực tuyến đang sử dụng như:

+ Đăng tải các bài viết về hoạt động của nhà trường trên website của nhà trường: <https://ththonghiep.namdinh.edu.vn> và <https://ththonghiep.olm.vn>

- Giáo viên khai thác nguồn học liệu trên <https://igiaoduc.vn/> , <https://sachmem.vn> và các trang của các nhà xuất bản sách giáo khoa.

- Cán bộ quản lý nghiên cứu, tổ chức các lớp tập huấn về ứng dụng CNTT trong giảng dạy và quản trị nhà trường như:

+ Tập huấn sử dụng phần mềm soạn thảo bài giảng điện tử;

+ Tập huấn nghiệp vụ, kỹ năng khai thác các học liệu điện tử;

+ Tập huấn sử dụng tài khoản cá nhân phục vụ cho giảng dạy trên website <https://ththonghiep.olm.vn>;

+ Tập huấn sử dụng hệ sinh thái của tài khoản cá nhân Office 365, tập trung khai thác phần mềm dạy học, họp trực tuyến MS.Teams và phần mềm lưu trữ điện toán đám mây Onedrive.

+ Tập huấn sử dụng các tiện ích về báo cáo được lập trên bảng tính của Google drive.

- Ban giám hiệu được phân công phụ trách khối nào sẽ trực tiếp ký duyệt kế hoạch dạy học trực tuyến của khối đó vào thứ Hai hàng tuần.

Chỉ đạo các tổ chuyên môn và giáo viên tích cực tham gia thiết kế bài giảng điện tử, xây dựng thiết bị dạy học số để bổ sung kho học liệu số của trường. Đưa kế hoạch bài dạy hàng tuần vào lưu trữ trên tài khoản Office 365 để mỗi lớp là một kho học liệu số. Giáo viên tích cực tự học, tự bồi dưỡng về ứng dụng CNTT để đáp ứng công tác chuyển đổi số trong giai đoạn hiện nay.

+ Phụ trách: Đồng chí Phạm Văn Thanh

+ Thực hiện: Giáo viên

+ Thời gian: Trong suốt năm học.

Giải pháp 6. Tổ chức tốt hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khoá, tham gia các sân chơi, cuộc thi cho giáo viên, học sinh

*** Các hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khoá:**

- Xây dựng kế hoạch cụ thể tổ chức hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp và hoạt động ngoại khoá trong năm học, tiêu chí thi đua dành cho học sinh. Phân công cho Tổng phụ trách Đội xây dựng chi tiết các hoạt động tập thể chào mừng 20/10, 20/11; 30/4, báo cáo lại với cán bộ quản lý để tổng duyệt và đưa vào triển khai thực hiện.

- Giáo dục kỹ năng sống: Nhà trường tiếp tục tổ chức giáo dục kỹ năng sống theo chương trình kỹ năng sống POKI vào tiết 4 các buổi chiều (thứ Hai, thứ Ba, thứ Tư, thứ Năm) và chiều thứ Sáu. Từng tổ chuyên môn căn cứ vào nội

dung, chủ đề, chủ điểm của Poki xây dựng kế hoạch và tổ chức hoạt động theo hàng tháng, từng kỳ phù hợp với đặc điểm của năm học. Giáo viên nghiên cứu trước nội dung bài dạy trên phần mềm, thực hiện tổ chức các giờ học giáo dục kỹ năng sống đạt hiệu quả cao nhất.

- Tổ chức các hoạt động tập thể trên sân trường nhân dịp 20/10; 20/11; 30/4, ngày hội STEM đã được xây dựng tại PL 1.3.

+ Phụ trách: Đồng chí Trần Minh Tú

+ Thực hiện: Tổng phụ trách - Giáo viên, học sinh.

+ Thời gian: Trong suốt năm học.

*** Tham gia các cuộc thi, sân chơi dành cho giáo viên, học sinh**

+ *Thi Hùng biện tiếng Anh*: Phân công giáo viên bồi dưỡng cho học sinh ngay từ tháng 8. Bám sát kế hoạch 1605/KH-SGDĐT ngày 29/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định về việc tổ chức hội thi Hùng biện Tiếng Anh năm học 2024 - 2025 để bồi dưỡng kiến thức cho học sinh. Chú trọng nhiều tới khả năng giao tiếp. Động viên HS tham gia học tập tại các trung tâm có yếu tố người nước ngoài tại huyện.

Động viên cha mẹ học sinh cho con học lớp học online với người nước ngoài để rèn kỹ năng giao tiếp.

Các đồng chí giáo viên Tiếng Anh kết hợp với giáo viên chủ nhiệm lớp 3,4,5 phát động tới học sinh tổ chức cho học sinh thi cấp trường từ đó lựa chọn những học sinh có năng khiếu, có nhu cầu và nguyện vọng tham gia thi cấp huyện hình thành Câu lạc bộ Tiếng Anh để tổ chức các hoạt động giúp học sinh bổ sung kiến thức đồng thời trau dồi các kỹ năng để tham gia thi đạt kết quả tốt.

Phân công giáo viên dạy Tiếng Anh bồi dưỡng học sinh dự thi.(Đ/C Lại Huyền – TTCM)

+ *Tham gia thi Giai điệu tuổi hồng*: Phân công 3 đ/c GV Âm nhạc lựa chọn HS có năng khiếu luyện tập cho HS tham gia thi các cấp.

+ *Thi Trạng nguyên Tiếng Việt cấp trường, cấp huyện, cấp tỉnh*.

Ngay từ đầu năm học nhà trường cũng như GVCN tuyên truyền phát động các em học sinh tham gia giải các vòng tự luyện, các GVCN dành thời gian trong các giờ truy bài, giờ ra chơi và cuối các giờ học để tổ chức một số các hoạt động học mà vui – vui mà học với nội dung bồi dưỡng các kiến thức Tiếng Việt cho học sinh, đồng thời tổ chức câu lạc bộ Em Yêu Tiếng Việt cho những học sinh có nguyện vọng để giúp các em có môi trường học tập, rèn luyện và phát triển khả năng, trau dồi tích lũy kiến thức phấn đấu thi các vòng thi đạt kết quả cao. Sau 1 vòng tự luyện, 6 vòng thi điều kiện (hết hạn vào ngày 25/11/2024). Nhà trường sẽ tổ chức vòng thi Hương để từ đó lựa chọn những học sinh có năng khiếu và có đủ điều kiện tham gia vòng thi Hội (Học sinh đạt giải Ba vòng thi Hương trở lên) thành nhóm để tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ nâng cao để học sinh học tập đảm bảo đủ điều kiện để tham dự các vòng thi tiếp theo...

+ *Thi viết chữ đúng và đẹp*: Tổ chức luyện viết chữ đẹp ở tất cả các lớp, phát động phong trào viết chữ đúng và đẹp ở các loại vở và bài thi viết chữ đẹp hàng tháng.

Tổ chức triển lãm và thi viết chữ đúng và đẹp cấp trường, tuyển chọn mỗi lớp ít nhất có 2 HS tham gia và đạt giải trong các cuộc thi chữ viết đúng và đẹp cấp huyện. Phân công: đ/c đ/c Quế, Ngô Hương phụ trách khu A, đ/c Phạm Hương, Lê Tho, Lê Hương phụ trách khu B; các GVCN khối 2,3,4,5 cùng chịu trách nhiệm luyện viết chữ đúng và đẹp cho học sinh hàng ngày trên lớp.

+ *Câu lạc bộ văn tuổi thơ, toán tuổi thơ*: Tổ chức cho học sinh tham gia các nội dung tổ chức theo văn bản hướng dẫn.

Giáo viên tích cực tuyên truyền để HS yêu thích Toán Tuổi thơ, Văn Tuổi thơ, tích cực mua đọc và tham gia các chuyên mục trong các tạp chí.

Phân công đ/c PHT từng khối, GVCN phụ trách, đôn đốc nhắc nhở cá nhân học sinh, các tập thể lớp tham gia và tổng hợp các bài viết gửi tòa soạn

+ *Thi thể dục thể thao*: Chỉ tiêu có từ 2 học sinh đạt giải cấp huyện, có học sinh dự thi cấp tỉnh.

Phân công 3 đ/c GV GDTC trong quá trình triển khai các hoạt động giáo dục thể chất, tuyển chọn học sinh có năng khiếu, tổ chức thi cờ vua bóng bàn, điền kinh...

+ *Tham gia Khảo sát năng lực học sinh (lớp 4,5)*: Phân công GVCN các khối lớp và GV bộ môn bồi dưỡng học sinh. Nâng cao chất lượng học sinh giỏi.

Giáo viên quan tâm bồi dưỡng; động viên khuyến khích học sinh lớp 5 xét tuyển vào lớp 6 trường THCS Xuân Trường để phát huy được năng lực, sở trường của mình. Ngay từ buổi họp PHHS đầu năm các GVCN tuyên truyền tới PHHS để PHHS đồng thuận, Tổ chuyên môn tổ 5 xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cho học sinh có năng lực tốt có nhu cầu học tại THCS Xuân Trường tham gia dự thi vào THCS Xuân Trường để phát huy được năng lực của mình.

+ *Thi giáo viên giỏi cấp Huyện, cấp Tỉnh*: Tổ chức thi Giáo viên dạy giỏi cấp trường trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện. Động viên giáo viên tham gia dự thi các nội dung theo văn bản hướng dẫn. Tạo điều kiện để giáo viên được đổi mới phương pháp, đa dạng các hình thức tổ chức các hoạt động. Vận dụng tối đa các kỹ thuật về chuyển đổi số để đưa vào giảng dạy.

Phân công phụ trách chung: Các PHT

Giải pháp 7. Tập trung nâng cao chất lượng khảo sát học sinh

Chỉ đạo các tổ chuyên môn tập trung ôn tập thường xuyên và có hệ thống để củng cố giúp học sinh nắm chắc kiến thức. Tổ trưởng chuyên môn phân công các thành viên trong tổ xây dựng đề cương cụ thể với các môn học, xây dựng đề mẫu cho học sinh tự luyện.

Tập trung rèn kỹ năng, hướng dẫn học sinh cách đọc hiểu đề bài, phân tích

yêu cầu, lập dàn ý và trình bày bài làm một cách rõ ràng, mạch lạc. Cho học sinh làm các bài tập mẫu và bài khảo sát thử để làm quen với dạng đề và rèn luyện kỹ năng làm bài dưới áp lực thời gian.

Giáo viên chủ nhiệm cần giúp học sinh giảm căng thẳng và lo lắng trước khi bước vào kỳ khảo sát. Khuyến khích, động viên và tạo niềm tin cho các em.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hiệu trưởng

- Trên cơ sở kế hoạch giáo dục chung của nhà trường, Hiệu trưởng chỉ đạo Phó Hiệu trưởng hướng dẫn các tổ chuyên môn, giáo viên, tổng phụ trách Đội,... xây dựng kế hoạch giáo dục và hoạt động cụ thể cho nhiệm vụ của mình sao cho có sự thống nhất với kế hoạch giáo dục chung của trường, đảm bảo thực hiện tốt kế hoạch giáo dục đã xây dựng.

- Hiệu trưởng huy động các nguồn lực để đảm bảo mọi điều kiện giúp cho việc thực hiện kế hoạch giáo dục đạt hiệu quả cao.

2. Phó Hiệu trưởng

- Hướng dẫn các tổ chuyên môn, giáo viên lập Kế hoạch giáo dục của Tổ chuyên môn và Kế hoạch giáo dục của từng cá nhân.

- Lập thời khóa biểu cho từng lớp, từng giáo viên. Giáo viên thực hiện nghiêm túc thời khóa biểu.

- Quản lý chỉ đạo các hoạt động chuyên môn. Chỉ đạo hoạt động của tổ chuyên môn. Tổ chức các chuyên đề, hội thảo cấp trường về dạy học các môn học; đổi mới phương pháp dạy học.

- Chịu trách nhiệm trong chỉ đạo thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chương trình các môn học, chương trình các hoạt động giáo dục ở từng tổ chuyên môn.

3. Tổ trưởng chuyên môn

- Xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch giáo dục của Tổ chuyên môn.

- Tổ chức sinh hoạt Tổ chuyên môn theo đúng quy định, tập trung sinh hoạt chuyên đề và sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Đặc biệt chú ý đến nội dung đổi mới phương pháp dạy học và việc lựa chọn nội dung dạy học, những vấn đề vướng mắc trong thực hiện chương trình.

- Tổ chức các hoạt động kỹ năng sống, hoạt động trải nghiệm và các hoạt động khác.

- Tổng hợp báo chất lượng giáo dục của tổ theo kế hoạch.

4. Tổng phụ trách Đội

- Lập kế hoạch, tổ chức, quản lý các chương trình hoạt động cho đội viên, học sinh trong nhà trường theo kế hoạch của ngành Giáo dục, chương trình công

tác Động và phong trào thiếu nhi của Hội đồng Động các cấp.

- Xây dựng hệ thống tổ chức cơ sở Động trong nhà trường theo nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Động Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh; bồi dưỡng đội ngũ phụ trách chi đội, ban chỉ huy Động các cấp.

- Phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan để tổ chức các hoạt động Động và phong trào thiếu nhi, hoạt động giáo dục trong nhà trường.

5. Giáo viên chủ nhiệm

- Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học và kế hoạch giáo dục của nhà trường. Chủ động thực hiện và chịu trách nhiệm về kế hoạch giáo dục; tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ chuyên môn (nội dung, phương pháp giáo dục, kiểm tra đánh giá học sinh) và chất lượng, hiệu quả giáo dục từng học sinh của lớp mình phụ trách, bảo đảm quy định của chương trình giáo dục, phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện cụ thể của nhà trường.

- Tham gia xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn và nhà trường; chuẩn bị, tổ chức dạy học và đánh giá học sinh theo quy định; thực hiện các hoạt động chuyên môn khác.

- Xây dựng mối quan hệ thân thiện, dân chủ giữa giáo viên với học sinh, với cha mẹ học sinh và cộng đồng; giúp học sinh chủ động, sáng tạo, tự tin, tự chủ trong học tập và rèn luyện.

- Chủ động nắm bắt thông tin từng học sinh của lớp được phân công làm công tác chủ nhiệm; xây dựng các hoạt động giáo dục của lớp thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục đảm bảo tính khả thi, phù hợp với đặc điểm học sinh, với hoàn cảnh và điều kiện thực tế nhằm thúc đẩy sự tiến bộ của cả lớp và của từng học sinh.

- Thực hiện các hoạt động giáo dục theo kế hoạch đã xây dựng và được hiệu trưởng phê duyệt.

- Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh hoặc người giám hộ, giáo viên, tổng phụ trách Động, các tổ chức xã hội có liên quan để tổ chức các hoạt động giáo dục và hỗ trợ, giám sát việc học tập, rèn luyện của học sinh lớp mình chủ nhiệm; tổng hợp nhận xét, đánh giá học sinh cuối kỳ I và cuối năm học; hướng dẫn học sinh bình bầu và đề nghị khen thưởng; lập danh sách học sinh đề nghị ở lại lớp; hoàn chỉnh việc ghi học bạ cho học sinh.

- Báo cáo thường kì hoặc đột xuất về tình hình của lớp với hiệu trưởng.

6. Giáo viên phụ trách môn học

- Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn theo sự phân công của Hiệu trưởng.

- Giảng dạy, giáo dục đảm bảo chất lượng theo chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học; soạn bài, lên lớp, kiểm tra, đánh giá, xếp loại học sinh; quản lí học sinh trong các hoạt động giáo dục do nhà trường tổ chức; tham gia các hoạt động chuyên môn; chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả giảng dạy môn học

và hoạt động giáo dục được giao.

- Tích cực tự trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ. Tham gia đầy đủ các buổi hội thảo, sinh hoạt chuyên môn do các cấp tổ chức.

7. Nhân viên

Căn cứ kế hoạch giáo dục của nhà trường, nhân viên xây dựng và thực hiện kế hoạch hoạt động cá nhân theo tuần, tháng, năm học nhằm phục vụ cho việc thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học và hoạt động giáo dục của nhà trường.

Phối kết hợp với các tổ chuyên môn, tạo điều kiện hỗ trợ giáo viên trong việc làm đồ dùng, thống kê báo cáo.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục năm học 2024 - 2025 của nhà trường. Các tổ chuyên môn, mỗi giáo viên căn cứ vào tình hình thực tế của tổ, lớp, bộ môn giảng dạy để vận dụng xây dựng kế hoạch chi tiết, phù hợp và có tính khả thi; đẩy mạnh các hoạt động giáo dục của nhà trường, nâng cao chất lượng dạy và học; xây dựng môi trường giáo dục thực sự chất lượng, an toàn và thân thiện.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng;
- Website nhà trường;
- Hội đồng giáo dục;
- Lưu VT.

NGƯỜI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH



Nguyễn Thị Huyền

PHÊ DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Thu Yên

PHÂN CÔNG CHUYÊN MÔN

<i>ST T</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Dạy lớp(môn)</i>	<i>Tổ</i>	<i>Kiểm nhiệm</i>
1	Ngô Thị Hương	Tổ phó	1A1	Tổ 1	
2	Lê Thị Hồng Gấm	Giáo viên	1A2	Tổ 1	
3	Lê Thị Nhẫn	Giáo viên	1A3	Tổ 1	
4	Ngô Thị Thiên Hương	Giáo viên	1B1	Tổ 1	
5	Phạm Thị Thảo	Tổ trưởng	1B2	Tổ 1	
6	Lê Thị Huế	Giáo viên	1B3	Tổ 1	
7	Lê Thị Tho	Giáo viên	1B4	Tổ 1	
8	Phạm Thị Hương	Giáo viên	Dự trữ	Tổ 1	
9	Lê Thị Tâm	Giáo viên	2A1	Tổ 2	
10	Phạm Thị Mão	Giáo viên	2A2	Tổ 2	
11	Trần Thị Thanh Hải	Tổ phó	2A3	Tổ 2	
12	Lê Thị Ngoan	Tổ trưởng	2B1	Tổ 2	CTCĐ
13	Mai Thị Thu	Giáo viên HĐ	2B2	Tổ 2	
14	Lê Thị Thu Hương	Giáo viên	2B3	Tổ 2	
15	Nguyễn Thị Dịu	Giáo viên	2B4	Tổ 2	
16	Cao Thị Phương Uyên	Giáo viên HĐ	2B5	Tổ 2	
17	Nguyễn Thị Ngọc Châu	Giáo viên	Dự trữ	Tổ 2	
18	Nguyễn Như Sáng	Giáo viên	3A1	Tổ 3	
19	Lê Thị Huyền	Giáo viên	3A2	Tổ 3	
20	Đinh Thị Nhân	Tổ trưởng	3A3	Tổ 3	
21	Mai Thu Thủy	Tổ phó	3B1	Tổ 3	
22	Ngô Thị Bích Ngọc	Giáo viên	3B2	Tổ 3	
23	Ngô Thị Lan Anh	Giáo viên	3B3	Tổ 3	
24	Phạm Thị Hương	Giáo viên	3B4	Tổ 3	
25	Bùi Thị Hảo	Giáo viên	4A1	Tổ 4	
26	Đặng Thị Thu Phương	Giáo viên	4A2	Tổ 4	
27	Nguyễn Thị Nhâm	Tổ trưởng	4A3	Tổ 4	TKHĐ
28	Đỗ Thị Lan	Tổ phó	4B1	Tổ 4	
29	Nguyễn Thị Thêu	Giáo viên	4B2	Tổ 4	
30	Trần Thị Dịu	Giáo viên	4B3	Tổ 4	
31	Đinh Thị Diễm	Giáo viên HĐ	4B4	Tổ 4	
32	Vũ Thị Hoa	Giáo viên	5A2	Tổ 5	
33	Hứa Văn Tĩnh	Giáo viên	5A1	Tổ 5	

<i>ST T</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Dạy lớp(môn)</i>	<i>Tổ</i>	<i>Kiểm nhiệm</i>
34	Lê Thị Hằng	Tổ phó	5A3	Tổ 5	
35	Lê Thị Huệ	Tổ trưởng	5B1	Tổ 5	
36	Lê Văn Thang	Giáo viên	5B2	Tổ 5	
37	Phạm Thị Thu	Giáo viên	5B3	Tổ 5	
38	Phạm Bình Khiêm	Giáo viên	5B4	Tổ 5	
39	Phạm Thị Hiên	Giáo viên		Tổ 5	
40	Nguyễn Đức Cường	Giáo viên	Âm nhạc	Tổ BM	PTPT
41	Bùi Thị Ngát	Giáo viên	Âm nhạc	Tổ BM	TPT
42	Hoàng Thị Kiều Diễm	Giáo viên	Âm nhạc	Tổ BM	
43	Trần Quang Luận	Giáo viên	Mĩ thuật	Tổ BM	
44	Trần Thị Quế	Giáo viên	Mĩ thuật	Tổ BM	
45	Ngô Thị Tho	Giáo viên	Thể dục	Tổ BM	
46	Phạm Công Cường	Giáo viên	Thể dục	Tổ BM	
47	Trần Thị Thắm	Giáo viên	Thể dục	Tổ BM	
48	Nguyễn Minh Giáo	Giáo viên	Tin học	Tổ BM	
49	Hoàng Thị Thanh	Giáo viên	Tin học	Tổ BM	
50	Lại Thị Huyền	Giáo viên	Tiếng Anh	Tổ TA	
51	Trần Thị Dung	Giáo viên	Tiếng Anh	Tổ TA	
52	Vũ Thị Phương	Giáo viên	Tiếng Anh	Tổ TA	
53	Đặng Thị Tươi	Giáo viên	Tiếng Anh	Tổ TA	
54	Lê Thị Hoa	Giáo viên HĐ	Tiếng Anh	Tổ TA	
55	Trần Thị Thủy	Kế toán		Tổ VP	
56	Khúc Thị Sang	Y tế		Tổ VP	
57	Đoàn Thị Nhài	Văn phòng		Tổ VP	
58	Nguyễn Thị Thu	Văn phòng		Tổ VP	